

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*”

- Ông **Phan Dương M**, chức vụ - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường **huyện P**, có đơn xét xử vắng mặt.

- Ông **Lê H**, chức vụ - Phó Giám đốc **Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện P**, có mặt tại phiên toà.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Cao Thị T1**, sinh năm 1972.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Phạm L**; địa chỉ: **Đ, thôn P, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam**, có mặt tại phiên toà.

3.2. Ông **Phạm Thanh T2**, sinh năm 1991; địa chỉ: **Đ, thôn P, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam**, có mặt tại phiên toà.

3.3. Bà **Phạm Thị Thu T3**, sinh năm 1993, có đơn xét xử vắng mặt;

3.4. Cháu **Phạm Cao Kỳ D1**, sinh năm 2013.

Người đại diện theo pháp luật: ông **Phạm Văn T** (cha) và bà **Cao Thị T1** (mẹ); địa chỉ: **Đ, thôn P, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam**, có mặt tại phiên toà.

3.5. Ông **Huỳnh H1**, sinh năm 1993, có mặt tại phiên toà;

3.6. Cháu **Huỳnh Hải Đ**, sinh năm 2020 và cháu **Huỳnh Duyên P**, sinh 2022;

Người đại diện theo pháp luật: ông **Huỳnh H1** (cha) và bà **Phạm Thị Thu T3** (mẹ); cùng địa chỉ: **Đ, thôn P, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam**, vắng mặt.

Người kháng cáo: ông **Phạm Văn T**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Nội dung Đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người khởi kiện thể hiện:

Gia đình ông **Phạm Văn T** quản lý, sử dụng thửa đất số 639, tờ bản đồ số 04, diện tích 449m², loại đất thổ cư từ năm 1991 đến nay và được Ủy ban nhân dân (UBND) **thị xã T (nay là thành phố T)** cấp Giấy chứng nhận ngày 14/7/1995. Gia đình ông làm nhà ở sinh sống ổn định trên thửa đất này từ năm 1992 đến nay. Vợ chồng ông có 03 con chung là **Phạm Thanh T2, Phạm Thị Thu T3, Phạm Cao Kỳ D1**; trong đó bà **Phạm Thị Thu T3** (sinh năm 1993) có chồng là ông **Huỳnh H1** và có 02 con là **Huỳnh Hải Đ** và **Huỳnh Duyên P** cùng chung sống với vợ chồng ông, chưa tách thành hộ riêng. Như vậy, cả gia đình ông có 08 (tám) nhân khẩu cùng sinh sống trên thửa đất số 639 nêu trên. Do nhà ở quá chật chội, năm 2018 vợ chồng ông phải vay mượn để làm thêm một căn nhà bên cạnh cùng thửa 639 để các con, các cháu có nơi sinh hoạt, học tập. Nay con trai lớn là ông **Phạm Thanh T2** (sinh năm 1991) cũng chuẩn bị lập gia đình. Đến năm 2022, để thi công xây dựng mới, mở rộng **Ga T (huyện P)**, **UBND huyện P** ban hành các Quyết định về thu hồi đất số: 2322/QĐ-UBND

ngày 29/6/2022 và Quyết định số: 2042/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 về điều chỉnh Quyết định số: 2322/QĐ-UBND ngày 29/6/2022, thu hồi của gia đình ông 336m² đất, trong đó 176m² đất ở nông thôn và 160m² đất cây lâu năm tại thửa đất số 639, tờ bản đồ số 04 nêu trên. Sau đó, UBND huyện P ban hành các Quyết định bồi thường, hỗ trợ số: 2428/QĐ-UBND ngày 05/7/2022 và Quyết định bồi thường, hỗ trợ bổ sung số: 2061/QĐ-UBND ngày 24/8/2023 bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông tổng số tiền là 343.033.231 đồng. Không bố trí tái định cư cho hộ gia đình ông.

Trong quá trình thực hiện thu hồi đất, UBND huyện P ban hành Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 06/7/2023 về việc công nhận lại hạn mức đất ở của hộ ông T tại thửa số 639, tờ bản đồ số 04, xác định: diện tích đất ở là 375m², đất trồng cây lâu năm khác 74m².

Ông đã kiến nghị và được UBND huyện P trả lời tại văn bản số 1271/UBND-TNMT ngày 14/9/2023. Nhận thấy nội dung trả lời tại văn bản số 1271 nêu trên không đúng, không thoả đáng nên ngày 25/9/2023 ông đã gửi Đơn khiếu nại Quyết định thu hồi đất số: 2322/QĐ-UBND ngày 29/6/2022, Quyết định số: 2042/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 về điều chỉnh Quyết định số: 2322/QĐ-UBND ngày 29/6/2022, Quyết định bồi thường, hỗ trợ số: 2428/QĐ-UBND ngày 05/7/2022, Quyết định bồi thường, hỗ trợ bổ sung số: 2061/QĐ-UBND ngày 24/8/2023 và văn bản trả lời số 1271/UBND-TNMT ngày 14/9/2023 của UBND huyện P. Trong khi đã nhận Đơn khiếu nại của ông và chưa thực hiện bất kỳ thủ tục giải quyết nào theo quy định của pháp luật thì bất ngờ ngày 17/10/2023 Chủ tịch UBND huyện P - ông Huỳnh Xuân C ban hành Quyết định số: 2625/QĐ-UBND cưỡng chế thu hồi đất 336,0m² thửa số 63, tờ bản đồ số 01 đối với hộ ông Phạm Văn T theo Quyết định thu hồi đất số: 2322/QĐ-UBND ngày 29/6/2022, Quyết định số: 2042/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND huyện P. Đến ngày 20/10/2023, Ban tiếp công dân, Văn phòng HĐND&UBND huyện P làm việc với ông, yêu cầu ông sửa đổi, bổ sung đơn khiếu nại ngày 25/9/2023.

Trước tình hình cấp bách vì Chủ tịch U ban hành Quyết định cưỡng chế số: 2625/QĐ-UBND ngày 17/10/2023, ông đã làm Đơn khởi kiện hành chính gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Ngày 04/12/2023, Chủ tịch U ra Quyết định giải quyết khiếu nại số 3743/QĐ-UBND, với nội dung: Không công nhận 03 (ba) nội dung khiếu nại của ông.

Ông thấy rằng việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông như trên là chưa thoả đáng, không phù hợp với tình hình thực tế sử dụng đất,

hoàn cảnh gia đình ông, làm thiệt hại và ảnh hưởng nặng nề đến cuộc sống, kinh tế của cả gia đình ông; nội dung giải quyết khiếu nại và quyết định cưỡng chế thu hồi đất không đúng quy định của pháp luật.

Các cơ quan của [huyện P](#) cho rằng ông sử dụng thửa 63, tờ số 01 (theo hồ sơ giải thửa phục vụ bồi thường), diện tích 969,9m²; thu hồi dự án 336m², còn 633,9m²; xác định diện tích tăng thêm 86m² so với Giấy chứng nhận nên sau thu hồi còn 199m² là không đúng, không có cơ sở. Thửa 639, tờ bản đồ số 04 của hộ gia đình ông chỉ có diện tích 449m²; bị thu hồi 336m², trong đó 176m² đất ở nông thôn và 160m² đất cây lâu năm, chỉ còn lại 113m². Diện tích nằm ngoài Giấy chứng nhận năm 1995 là của người khác, ông hoàn toàn không được phép sử dụng. Cũng chưa có văn bản của cơ quan có thẩm quyền hay sự thỏa thuận với người chủ sử dụng diện tích đất trên giao, công nhận hay chuyển giao cho hộ ông sử dụng.

Đơn giá đền bù 200.000đồng/m² đất ở và 143.000đồng/m² đất cây lâu năm là quá thấp, không phù hợp với mức giá đất trung bình tại địa phương. Giá đất ở tại địa phương ít nhất cũng có giá khoảng 4.000.000đ/m² (nền nhà 100m² hiện có giá ít nhất 400.000.000 đồng). Giá trị đền bù 336m² cho gia đình ông là 61.600.000 đồng như vậy không đủ để mua lại 50m² đất cùng loại tại nơi ông sinh sống; tổng giá trị đền bù, hỗ trợ cả nhà, vật kiến trúc, đất và cây cối là 343.033.231 đồng, không đủ để ông xây dựng lại căn nhà cấp 4 với diện tích khoảng 80m². Gia đình ông chưa được tính các khoản hỗ trợ về di dời theo khoản 2 Điều 27 và bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất theo khoản 2 Điều 28 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (Ban hành kèm theo Quyết định số: 42/2021/QĐ- UBND ngày 21/12/2021 của [UBND tỉnh Q](#)).

Xác định loại đất bị thu hồi và diện tích đất còn lại không đúng thực tế. Thửa đất số 639, tờ bản đồ số 04, diện tích 449m². Hạn mức đất ở được công nhận lại thửa số 639: đất ở là 375m², đất trồng cây lâu năm khác 74m². Thu hồi 336m², trong đó 176m² đất ở nông thôn và 160m² đất cây lâu năm. Như vậy, diện tích đất cây lâu năm bị thu hồi (160m²) lớn hơn diện tích được công nhận (74m²) là hoàn toàn vô lý, không có cơ sở. Hơn nữa, hiện nay diện tích đất vườn vẫn còn lại khoảng hơn 60m². Như vậy, diện tích đất ở phải lớn hơn 300m² và đất cây lâu năm bị thu hồi là dưới 30m². Hiện nay gia đình ông còn 02 căn nhà trên thửa 639, diện tích khoảng 70m². Tuy vậy, ông thấy rằng cần phải thu hồi đất, giải tỏa và bồi thường luôn cả hai căn nhà còn lại. Bởi lẽ:

Cả hai căn nhà đều nằm trong hành lang đường giao thông, một căn bị giải toả phải đập bỏ cả phần hiên, một căn thì giải toả sát hiên; cả hai căn đều không còn sân trước nhà. Như vậy, cả hai căn nhà còn lại đều bị ảnh hưởng nghiêm trọng, mất hoàn toàn tính thẩm mỹ cũng như việc sử dụng rất bất tiện và không đảm bảo an toàn. Hơn nữa, ông vừa xin bản photo bản vẽ thiết kế thi công mặt bằng đi qua thửa đất của ông thì thấy rằng: cả hai căn nhà còn lại này đều nằm trong mặt bằng thi công, chắc chắn bị ảnh hưởng nghiêm trọng, không thể sử dụng được.

Cả hộ gia đình ông có 08 người đang cùng sinh sống trên diện tích 113m² còn lại; hai căn nhà, một căn thì mất hiên, còn lại đều không có sân. Diện tích trên không thể vừa ở, vừa để xe cộ, đồ đạc cho cả 08 người. Đặc biệt, gia đình ông đều là lao động nông nghiệp nên cần diện tích để làm sân phơi nông sản, trại để dụng cụ lao động, chuồng trại chăn gia súc, gia cầm. Với hiện trạng như hiện nay, gia đình ông không thể sinh sống và sản xuất tại đây được nữa.

Không bố trí tái định cư cho hộ ông là không thoả đáng, không đúng quy định. Như đã nêu trên, gia đình ông bị giải toả trên 300m² đất ở và hiện nay căn nhà còn lại gần 70m² cũng sử dụng không thuận lợi, nằm phần lớn vào hành lang giao thông, không còn diện tích làm sân phơi, xây dựng chuồng trại nên cần được giải toả và bố trí diện tích đất khác phù hợp để ông làm nhà ở và công trình kiến trúc khác phục vụ sản xuất, đảm bảo thu nhập và ổn định cuộc sống.

Cả 03 con của ông cũng đã lớn, trưởng thành và cần xây dựng gia đình riêng. Con gái đã có 02 con riêng; con trai lớn sắp lấy vợ nên nhu cầu về đất ở là thực tế và bức xúc. Do đó, gia đình ông yêu cầu phải được bố trí tái định cư, với 02 lô chính và 01 lô phụ để đảm bảo xây dựng nhà ở có đủ diện tích tối thiểu cho tất cả thành viên (dù không bằng nhưng cũng phải không quá ít hơn diện tích trước khi bị thu hồi) và phục vụ tối thiểu cho sản xuất.

Ngoài ra, ông được biết, sau thi công dự án thì công trình mới sẽ đóng hoàn toàn đường đi ra đồng, vận chuyển vật tư của hộ gia đình ông, gây ảnh hưởng lâu dài và nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của gia đình ông.

Do đó, ông đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xem xét, giải quyết các nội dung yêu cầu sau đây:

- Hủy Quyết định số 2322/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc thu hồi đất của hộ ông Phạm Văn T;
- Hủy Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc điều chỉnh một phần nội dung tại Điều 1 Quyết định số 2322/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 về việc thu hồi đất của hộ ông Phạm Văn T;

- Hủy Quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 05/7/2022 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Phạm Văn T;

- Hủy Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 24/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung về đất đối với hộ ông Phạm Văn T - Cao Thị T1;

- Hủy Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 06/7/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P ban hành về việc công nhận lại hạn mức đất ở của hộ ông Phạm Văn T tại thửa số 639, tờ bản đồ số 04.

- Hủy Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 17/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Phạm Văn T;

- Hủy Quyết định số 3743/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn T;

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện P ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Phạm Văn T đối với thửa đất số 639, tờ bản đồ số 04 tại thôn P, xã T, huyện P theo quy định của pháp luật

2. Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện P trình bày:

- Về giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện:

Ông Phạm Văn T khiếu nại Quyết định số 2322/QĐ-UBND ngày 29/6/2022, Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 về điều chỉnh một phần nội dung tại Quyết định số 2322/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của UBND huyện P về việc thu hồi đất của ông Phạm Văn T để thực hiện dự án: Xây dựng mới Ga T (huyện P); Quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 05/7/2022, Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 24/8/2023 của UBND huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ ông Phạm Văn T để GPMB đầu tư xây dựng mới Ga T tại km 854+950 thuộc địa phận xã T, huyện P, gồm các nội dung sau:

Khiếu nại UBND huyện thu hồi, bồi thường không đúng loại đất ghi trên GCNQSDĐ đối với thửa đất 639, tờ bản đồ số 4, xác định diện tích đất còn lại sau thu hồi không đúng (113,0m² chứ không phải là 199,0m²), thu hồi 160,0m² đất cây lâu năm có nguồn gốc từ đất vườn, ao trong khi GCNQSDĐ 74,0m² đất cây lâu năm. Khiếu nại yêu cầu bồi thường toàn bộ diện tích đất còn lại sau khi thu hồi đất đối với thửa đất 639, tờ bản đồ số 4.

Đơn giá bồi thường đất thấp, có cơ chế áp giá bồi thường tăng thêm đối với đất.

Khiếu nại yêu cầu bố trí 03 lô tái định cư: 02 lô chính, 01 lô phụ.

Chủ tịch UBND huyện P đã giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Phạm Văn T tại Quyết định số 3748/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND huyện P, về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn T, trú tại thôn P, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

- Về hồ sơ pháp lý đối với thửa đất:

Theo hồ sơ giải thửa phục vụ bồi thường, phạm vi thu hồi đất của hộ ông Phạm Văn T thuộc thửa số 63, tờ bản đồ số 01, diện tích 969,9m², trong đó phạm vi thu hồi đất 336,0m², diện tích còn lại 633,9m² (199m² thuộc thửa đất số 639, tờ bản đồ số 4; 170m² thuộc thửa đất số 772, tờ bản đồ số 4 cấp cho ông Nguyễn T4, 264,9 m² chưa cấp cho hộ gia đình cá nhân nào, do hộ ông Phạm Văn T quản lý sử dụng ổn định). Riêng đối với thửa đất 639, tờ bản đồ số 4, theo hồ sơ 64 và GCNQSDĐ diện tích là 449,0m² (375,0m² đất ở, 74,0m² đất cây lâu năm). Căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất, trong quá trình đo giải thửa phục vụ bồi thường, cơ quan chức năng áp dụng phương pháp lồng ghép bản đồ 64/CP với hiện trạng sử dụng đất xác định diện tích tăng thêm của thửa đất 639, tờ bản đồ số 4 là 86,0m². Phương pháp này là chính xác và phù hợp với quy định hiện hành. Đối với diện tích tăng thêm 86,0m² tại thửa 639, tờ bản đồ số 4, UBND huyện xác định đất trồng cây lâu năm có nguồn gốc từ đất vườn, ao là đảm bảo đúng quy định. Lý do: Hộ ông T được Nhà nước cấp GCNQSDĐ công nhận cho hộ ông 300,0m² đất ở, căn cứ vào sổ nhân khẩu, UBND huyện công nhận lại hạn mức đất ở tăng thêm 75,0m² cho hộ ông tại Quyết định 1546/QĐ-UBND ngày 06/7/2023 của UBND huyện P về việc công nhận lại hạn mức đất ở. Do đó, diện tích biến động tăng thêm 86,0m² xác định loại đất cây lâu năm có nguồn gốc từ đất vườn, ao là phù hợp với quy định của pháp luật.

Qua kiểm tra xác minh nhận thấy: Hộ ông Phạm Văn T quản lý sử dụng ổn định thửa đất 639, tờ bản đồ số 4 từ năm 1991 đến nay, diện tích thửa đất 639, tờ bản đồ số 4, theo hồ sơ 64 và GCNQSDĐ diện tích là 449,0m² gồm: 375,0m² đất ở, 74,0m² đất cây lâu năm. Trong quá trình quản lý sử dụng thửa đất nói trên gia đình có cải tạo, san lấp các cồn đất trong vườn dẫn đến có biến động tăng thêm về diện tích. Trong quá trình kiểm kê, bồi thường cơ quan chuyên môn sử dụng phương pháp lồng ghép bản đồ 64/Cp với hiện trạng sử dụng đất xác định diện tích tăng thêm của thửa đất 639, tờ bản đồ số 4 là 86,0m². Diện tích biến động tăng thêm được cơ quan Nhà nước xác định loại đất cây lâu năm có nguồn gốc từ đất vườn, ao, đủ điều kiện được bồi thường là phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Như vậy, tổng diện tích thửa đất 639, tờ bản đồ số 4, sau khi tính biến động tăng thêm là 535 m² gồm: 375 m²

đất ở, 160 m² đất cây lâu năm có nguồn gốc từ đất vườn, ao. Do đó, việc UBND huyện thu hồi đất của hộ ông **Phạm Văn T** 336,0m², gồm 160,0m² (86,0m² + 74,0m²) đất cây lâu năm có nguồn gốc từ đất vườn, ao, 176,0m² đất ở, xác định diện tích đất còn lại sau thu hồi tại thửa đất 639, tờ bản đồ số 4 là 199,0m² đất ở là đảm bảo theo quy định của pháp luật hiện hành. Do đó, nội dung khiếu nại cho rằng UBND huyện thu hồi, bồi thường không đúng diện tích, loại đất, xác định diện tích đất còn lại sau thu hồi là 199 m² là không đúng của ông **Phạm Văn T** không có cơ sở để xem xét giải quyết.

- Yêu cầu bồi thường toàn bộ thửa đất 639, tờ bản đồ số 4:

Diện tích đất còn lại sau thu hồi của hộ ông **Phạm Văn T** tại thửa đất 639, tờ bản đồ số 4 là 199,0m² đất ở, chiều rộng và chiều sâu thửa đất đảm bảo theo Điều 14, Quyết định 15/2020/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của **UBND tỉnh Q** về việc ban hành quy định hạn mức giao, hạn mức công nhận QSD đất và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, đủ điều kiện để xây dựng nhà ở. Vì vậy không có cơ sở để đền bù toàn bộ diện tích của thửa đất theo nội dung khiếu nại của ông **Phạm Văn T**.

- Nội dung khiếu nại đơn giá bồi thường đất thấp, có cơ chế áp giá bồi thường tăng thêm đối với đất.

Việc áp giá bồi thường đất đai đối với hộ ông được **UBND huyện P** thực hiện đảm bảo theo quy định hiện hành, đảm bảo chung cho toàn dự án được phê duyệt tại Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của **UBND huyện P** về phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, GPMB thực hiện dự án: Xây dựng mới **Ga T** tại KM 854 + 950 thuộc địa phận **xã T, huyện P** để thay thế **Ga A, xã T, huyện P** thuộc dự án gia cố các hàm yếu kết hợp mở mới các Ga và cải tạo kiến trúc tầng trên đoạn **V - N**, tuyến đường sắt **Hà Nội - TP H**.

- Khiếu nại yêu cầu bố trí 03 lô tái định cư: 02 lô chính, 01 lô phụ:

Hộ ông **Phạm Văn T** bị thu hồi 336m² đất, gồm 176 m² đất ở, 160m² đất cây lâu năm có nguồn gốc từ đất vườn, ao. Diện tích đất còn lại sau khi thu hồi đất là 199 m² đất ở, phù hợp với quy hoạch đủ điều kiện để làm nhà ở. Hơn nữa, phạm vi thu hồi đất không ảnh hưởng đến 02 ngôi nhà của hộ ông đang quản lý sử dụng. Theo khoản 1 Điều 13; khoản 1 Điều 40 Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của **UBND tỉnh Q** quy định về bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, hộ ông không thuộc trường hợp được bố trí tái định cư.

Từ những nội dung trên, Chủ tịch **UBND huyện P** đã ban hành Quyết định số 3748/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông

Phạm Văn T, trú tại thôn P, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam là đảm bảo đúng quy định.

Đối với các quyết định khác của UBND huyện P, gồm: Quyết định số 2322/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 về việc thu hồi đất của hộ ông Phạm Văn T; Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 về việc điều chỉnh một phần nội dung tại Điều 1 Quyết định số 2322/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 về việc thu hồi đất của hộ ông Phạm Văn T; Quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 05/7/2022 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Phạm Văn T; Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 24/8/2023 về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung về đất đối với hộ ông Phạm Văn T - Cao Thị T1; Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 17/10/2023 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Phạm Văn T, UBND huyện P đã thực hiện đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 98/2024/HC-ST ngày 23-7-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 3; khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Điều 103 Luật Đất đai năm 2013. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Xuân T5 về việc: Hủy Quyết định số 2322/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc thu hồi đất của hộ ông Phạm Văn T; hủy Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc điều chỉnh một phần nội dung tại Điều 1 Quyết định số 2322/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 về việc thu hồi đất của hộ ông Phạm Văn T; hủy Quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 05/7/2022 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Phạm Văn T; hủy Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 24/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung về đất đối với hộ ông Phạm Văn T - Cao Thị T1; hủy Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 06/7/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P ban hành về việc công nhận lại hạn mức đất ở của hộ ông Phạm Văn T tại thửa số 639, tờ bản đồ số 04; hủy Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 17/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Phạm Văn T; hủy Quyết định số 3743/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về

việc giải quyết khiếu nại của ông **Phạm Văn T**; buộc Ủy ban nhân dân huyện P ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ di chuyển tài sản và tái định cư cho hộ ông **Phạm Văn T** đối với thửa đất số 639, tờ bản đồ số 04 tại thôn P, xã T, huyện P theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 01/8/2024, ông **Phạm Văn T** kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông **Phạm Văn T** trình bày giữ nguyên Đơn khởi kiện, Đơn kháng cáo. Việc đền bù giải toả ảnh hưởng việc đi lại của gia đình chúng tôi, số tiền bồi thường quá thấp mong HĐXX xem xét chấp nhận kháng cáo.

Ông **Lê H** trình bày: đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông **Trần Quốc D** trình bày: chúng tôi là người đại diện chính quyền thực hiện công tác bồi thường trong các dự án rất chia sẻ người dân, nhưng chúng tôi phải tuân theo các quy định pháp luật.

Ông **Phạm L** trình bày: đề nghị công khai hồ sơ thu hồi đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án theo trình tự phúc thẩm đến trước nghị án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Kháng cáo của ông **Phạm Văn T** là trong thời hạn luật định.

Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ tài liệu, chứng cứ đã xét xử và quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Phạm Văn T** là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông **T**, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghe đương sự trình bày, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; sau khi thảo luận, nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Ngày 01/8/2024, ông **Phạm Văn T** kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số 98/2024/HC-ST ngày 23-7-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Như vậy, kháng cáo của ông **Phạm Văn T** là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Sau khi nhận Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 17/10/2023 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông **Phạm Văn T** và Quyết định số 3743/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông **Phạm Văn T**. Ngày 01/11/2023, ông **Phạm Văn T** khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết: hủy Quyết định số 2322/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện P; hủy Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P; hủy Quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 05/7/2022 của Ủy ban nhân dân huyện P; hủy Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 24/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P; hủy Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 06/7/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P; hủy Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 17/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P; hủy Quyết định số 3743/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P; buộc Ủy ban nhân dân huyện P ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông **Phạm Văn T** đối với thửa đất số 639, tờ bản đồ số 04 tại thôn P, xã T, huyện P theo quy định của pháp luật. Như vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, đúng đối tượng và trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 30; Điều 32; Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của ông **Phạm Văn T**:

[3.1] Hồ sơ địa chính và quá trình sử dụng thửa đất số 260, tờ bản đồ số 18 tại thôn P, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam:

Theo hồ sơ Chỉ thị số 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ thì thửa đất trên không có hồ sơ đăng ký 299/TTg lưu tại xã. Theo hồ sơ 64/CP, thửa đất trên thuộc một phần thửa đất số 639, tờ bản đồ số 04, diện tích 449m², loại đất T do ông **Phạm Văn T** kê khai, đăng ký. Ông **Phạm Văn T** đã được UBND huyện P cấp GCNQSDĐ vào ngày 14/7/1995 đối với thửa đất số 639, tờ bản đồ số 04, diện tích 449m², loại đất thổ cư.

Ngày 06/7/2023, UBND huyện P ban hành Quyết định số 1546/QĐ-UBND về việc công nhận lại hạn mức đất ở nông thôn cho hộ ông **Phạm Văn T** tại thửa 639, tờ bản đồ số 04 là 375m² đất ở và 74m² đất trồng cây lâu năm khác, đã được chỉnh lý biến động tại trang 4 GCNQSDĐ của hộ ông **Phạm Văn T**. Theo Giấy xác nhận tình trạng pháp lý về đất đai, nhà ở, vật kiến trúc, cây trồng, con vật nuôi ngày 04/10/2021 của UBND xã T và Biên bản Hợp Hội đồng tư vấn xác nhận nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng, diện tích, loại đất, chủ sử dụng đất ngày 31/7/2023 của UBND xã T thể hiện: Diện tích thu hồi 336m² có nguồn gốc: Hộ ông **Phạm Văn T** quản lý, sử dụng đất từ trước ngày

15/10/1993 và sau ngày 18/12/1980 được Nhà nước công nhận QSD đất; diện tích biến động tăng 86m² so với GCNQSDĐ thuộc đất trồng cây lâu năm có nguồn gốc từ đất vườn, ao, sử dụng ổn định không tranh chấp.

[3.2] Xác định diện tích và loại đất hộ ông **Phạm Văn T** bị thu hồi:

Quyết định số 2322/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của **UBND huyện P** thu hồi diện tích 336m² thuộc thửa đất số 260, tờ bản đồ số 18 (theo hồ sơ 64 thuộc thửa 639, tờ bản đồ số 04), loại đất: Đất trồng cây lâu năm (đất vườn, ao) của hộ ông **Phạm Văn T**. Ngày 23/8/2023, **UBND huyện P** ban hành Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 về việc điều chỉnh một phần nội dung tại Điều 1 Quyết định số 2322, từ thu hồi diện tích 336,0m² thuộc thửa đất 260, tờ bản đồ số 18, loại đất: Đất trồng cây lâu năm có nguồn gốc từ đất vườn, ao (CLN) thành: thu hồi diện tích 176m², loại đất ở nông thôn (ONT) và 160m² đất cây lâu năm có nguồn gốc từ đất vườn, ao (CLN) thuộc thửa đất số 639, tờ bản đồ số 04.

Theo Đơn khởi kiện, ông **T** trình bày cho rằng ông sử dụng thửa đất số 639, tờ bản đồ số 04, diện tích 449m² từ năm 1991 đến nay, phù hợp với việc xác định nguồn gốc đất của **UBND xã T**: hộ ông **Phạm Văn T** quản lý, sử dụng đất từ trước ngày 15/10/1993 và sau ngày 18/12/1980. Theo GCNQSDĐ do **UBND huyện P** cấp vào ngày 14/7/1995 cho hộ ông **Phạm Văn T** thì thửa đất số 639, tờ bản đồ số 04, diện tích 449m² được cấp là loại đất thổ cư. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 103 Luật Đất đai năm 2013, **UBND huyện P** đã ban hành Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 06/7/2023 về việc công nhận lại hạn mức đất ở nông thôn cho hộ ông **Phạm Văn T** tại thửa 639, tờ bản đồ số 04 là 375m² đất ở (trong đó có 300,0m² đất ở được công nhận theo hạn mức đất ở tại địa phương và 75,0m² đất ở được công nhận dựa vào số nhân khẩu tăng thêm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Quyết định 15/2020/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của **UBND tỉnh Q**) và 74m² đất trồng cây lâu năm khác theo đúng quy định pháp luật. Do đó, **UBND huyện P** thu hồi diện tích 336,0m² thuộc thửa đất 260, tờ bản đồ số 18 (theo hồ sơ 64 thuộc thửa 639, tờ bản đồ số 04), gồm diện tích 176m² đất ở nông thôn và 160m² đất cây lâu năm có nguồn gốc từ đất vườn, ao (trong đó có 74m² đất thuộc GCNQSDĐ và 86m² đất tăng thêm so với GCNQSDĐ thuộc đất trồng cây lâu năm có nguồn gốc từ đất vườn, ao, hộ ông **Phạm Văn T** sử dụng ổn định không tranh chấp) thuộc thửa đất số 639, tờ bản đồ số 04 là đúng về diện tích và loại đất theo quy định pháp luật. Lẽ ra, trong trường hợp này **UBND huyện P** cần công nhận quyền sử dụng diện tích 86m² tăng thêm và đồng thời thu hồi diện tích đất này mới đầy đủ thủ tục, **UBND huyện P** cần rút kinh nghiệm. Do đó, ông **Phạm Văn T** yêu cầu hủy

Quyết định số 2322/QĐ-UBND ngày 29/6/2022; Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 và Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 06/7/2023 của UBND huyện P là không có cơ sở.

[3.3] Yêu cầu huỷ Quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 05/7/2022; huỷ Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 24/8/2023 và buộc UBND huyện P ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Phạm Văn T đối với thửa đất số 639, tờ bản đồ số 04 tại thôn P, xã T, huyện P:

[3.3.1] Ngày 05/7/2022 UBND huyện P ban hành Quyết định số 2428/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Phạm Văn T với tổng số tiền là 329.481.231 đồng.

Ngày 24/8/2023 UBND huyện P ban hành Quyết định số 2061/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung về đất đối với hộ ông Phạm Văn T - Cao Thị T1 tổng số tiền là 13.552.000 đồng. Ông Phạm Văn T cho rằng UBND huyện P áp giá bồi thường về đất và công trình, vật kiến trúc, cây cối không phù hợp. Đơn giá bồi thường được xác định theo Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất số 1168/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của UBND huyện P; Quyết định số 3924/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 quy định đơn giá xây dựng nhà ở, vật kiến trúc, công trình tài sản trên đất và Quyết định 3925/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 quy định đơn giá đối với các loại cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam của UBND tỉnh Q theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013: “Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”. Việc xác định loại đất, diện tích đất bị thu hồi tuân thủ đúng quy định pháp luật, do đó việc bồi thường khi hồi đất của UBND huyện P là đúng pháp luật.

[3.3.2] Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:

- Yêu cầu UBND huyện P xem xét hỗ trợ di chuyển tài sản đối với trường hợp thu hồi đất ở có nhà ở theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Quyết định số 42/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh Q: theo Biên bản kê khai và kiểm đếm hiện trạng số 05/BB-BQLDA, Trích đo kèm Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 22/3/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam và tại phiên toà, người bị kiện thừa nhận trên phần diện tích bị thu hồi 336m2 có một phần nhà của ông Phạm Văn T.

Theo điểm a, c khoản 2 Điều 27 Quyết định số 42/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của **UBND tỉnh Q** quy định:

“a) Hộ gia đình, cá nhân thu hồi đất ở có nhà ở đủ điều kiện được bồi thường theo quy định của pháp luật về đất đai mà phải di chuyển đến nơi ở mới hoặc tái định cư trên phần đất còn lại thì được bồi thường chi phí di chuyển như sau:

Tái định cư trên phần đất còn lại: 5.000.000 đồng/hộ

...

c) Trường hợp, trong nhà ở phải di dời có trên 4 nhân khẩu (số nhân khẩu từ thứ 5 trở lên) thì số tiền bồi thường chi phí di chuyển được cộng thêm bằng 10% (mười phần trăm) mức bồi thường tại điểm a, Khoản này cho mỗi nhân khẩu tăng thêm.”

Tại thời điểm thu hồi đất, hộ ông **Phạm Văn T** bị thu hồi đất ở có nhà ở, tuy nhiên việc thu hồi không ảnh hưởng đến căn nhà ở của ông **T**, không bị tháo dỡ để tái định cư tại chỗ. Do đó, trường hợp của ông **T** không đủ điều kiện được bồi thường chi phí di chuyển và tái định cư như quy định nêu trên.

- Yêu cầu bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất quy định tại khoản 2 Điều 28 Quyết định số 42/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của **UBND tỉnh Q**: theo quy định tại Điều 94 Luật Đất đai năm 2013: Khi Nhà nước xây dựng công trình công cộng, quốc phòng, an ninh có hành lang bảo vệ an toàn mà không thu hồi đất nằm trong phạm vi hành lang an toàn thì người sử dụng đất được bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất. Tuy nhiên, theo hồ sơ quy hoạch giải phóng mặt bằng thì phần diện tích 336m² thuộc thửa đất số 260, tờ bản đồ số 18 bị thu hồi thuộc hành lang bảo vệ an toàn tuyến đường sắt và **Ga T**, phần diện tích đất còn lại không thuộc hành lang bảo vệ an toàn tuyến đường sắt và **Ga T**. Do đó, không đủ điều kiện được bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất tại Điều này.

[3.3.3] Bố trí tái định cư:

Sau khi bị thu hồi một phần diện tích đất thì thửa đất số 639, tờ bản đồ số 04 có diện tích đất còn lại là 199m² đất ở. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 79 Luật Đất đai năm 2013, trường hợp còn đất ở, nhà ở trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng tiền. Ngoài ra, theo quy định tại Điều 13 và Điều 40 Quyết định số 42/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của **UBND tỉnh Q** thì hộ ông **Phạm Văn T** bị thu hồi một phần diện tích đất ở (176m²); diện tích đất ở còn lại (199m²) đủ điều kiện để làm nhà ở theo quy định tại Quyết định 15/2020/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của **UBND**

tỉnh Q. Do đó, việc UBND huyện P không bố trí tái định cư cho hộ ông Phạm Văn T là có căn cứ.

Do đó, ông Phạm Văn T yêu cầu hủy Quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 05/7/2022 của Ủy ban nhân dân huyện P; hủy Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 24/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P; buộc UBND huyện P ban hành Quyết định thu hồi, bồi thường, bố trí tái định cư, bổ sung hỗ trợ di chuyển tài sản đối với trường hợp thu hồi đất ở có nhà ở là không có cơ sở.

[3.4] Yêu cầu hủy Quyết định số 3743/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn T.

Như nội dung đã được phân tích tại các tiểu mục [3.1], [3.2], [3.3] nêu trên, việc UBND huyện P ban hành các Quyết định thu hồi, bồi thường đối với hộ ông Phạm Văn T và không bố trí tái định cư khi thu hồi thửa đất số 260, tờ bản đồ số 18 (theo hồ sơ 64 thuộc thửa 639, tờ bản đồ số 04), diện tích 336m² là đúng quy định pháp luật. Do đó, Quyết định số 3743/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn T, không công nhận nội dung khiếu nại của ông Phạm Văn T là có cơ sở.

[3.5] Yêu cầu hủy Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 17/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Phạm Văn T:

Sau khi ban hành Quyết định thu hồi đất, hộ ông Phạm Văn T không tự nguyện bàn giao mặt bằng nên việc ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND huyện P thực hiện đúng theo quy định tại Điều 71 Luật Đất đai và khoản 6 Điều 17 Nghị định 43/2013/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 17/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P là không có cơ sở.

[4] Với những nội dung đã được phân tích nhận định tại các mục [1], [2], [3] nêu trên, đối chiếu với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nội dung trình bày tại phiên tòa xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng bản án sơ thẩm đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Xuân T5 là có căn cứ, đúng pháp luật. Bác kháng cáo của ông Phạm Văn T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Án phí hành chính phúc thẩm: ông Phạm Văn T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính. Bác kháng cáo của ông **Phạm Văn T**, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 3; khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Điều 103 Luật Đất đai năm 2013. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Phạm Xuân T5** về việc: Hủy Quyết định số 2322/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc thu hồi đất của hộ ông **Phạm Văn T**; hủy Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc điều chỉnh một phần nội dung tại Điều 1 Quyết định số 2322/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 về việc thu hồi đất của hộ ông **Phạm Văn T**; hủy Quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 05/7/2022 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông **Phạm Văn T**; hủy Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 24/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung về đất đối với hộ ông **Phạm Văn T - Cao Thị T1**; hủy Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 06/7/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P ban hành về việc công nhận lại hạn mức đất ở của hộ ông **Phạm Văn T** tại thửa số 639, tờ bản đồ số 04; hủy Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 17/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông **Phạm Văn T**; hủy Quyết định số 3743/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông **Phạm Văn T**; buộc Ủy ban nhân dân huyện P ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ di chuyển tài sản và tái định cư cho hộ ông **Phạm Văn T** đối với thửa đất số 639, tờ bản đồ số 04 tại **thôn P, xã T, huyện P** theo quy định của pháp luật.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: ông **Phạm Văn T** phải chịu 300.000đ, được trừ vào số tiền ông **T** đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000278 ngày 26/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Quốc Cường